ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HƯƠNG KHÊ

Phụ lục 02
DỰ KIẾN NHU CẦU VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2026 VÀ GIAI ĐOẠN 2026-2030

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tổng hợp	Thực hiện năm 2026									Dự kiến nguồn lực giai đoạn 2026-2030									Ghi chú
			Tổng cộng	NS trung ương		NS tỉnh		NS xã		NSNN cấp thực hiện tín dụng chính sách	Vốn huy động hợp pháp khác	Tổng cộng	NS trung ương		NS tỉnh		NS xã		NSNN cấp thực hiện tín dụng chính sách	Vốn huy động hợp pháp khác	
				Vốn Đầu tư công	Kinh phí thường xuyên	Vốn Đầu tư công	Kinh phí thường xuyên	Vốn Đầu tư công	Kinh phí thường xuyên				Vốn Đầu tư công	Kinh phí thường xuyên	Vốn Đầu tư công	Kinh phí thường xuyên	Vốn Đầu tư công	Kinh phí thường xuyên			
I	**Chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển**	Sở Y tế	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**55.150**	**52.000**	**3.150**					**-**	**-**	
48.1	**Đầu tư cơ sở hạ tầng, thiết bị cho y tế cơ sở**											**52.000**	**52.000**	**-**							
48.1.a	Xây mới, nâng cấp, mở rộng và mua sắm thiết bị cho trạm y tế xã, phường do chính quyền địa phương quản lý, bảo đảm đáp ứng quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế về thiết kế trạm y tế và danh mục máy móc, thiết bị cơ bản phục vụ hoạt động chuyên môn của trạm y tế xã, phường, đặc khu; ưu tiên trạm y tế xã thuộc vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đặc biệt khó khăn;	Sở Y tế, UBND xã										52.000	52.000	-							
48.3	**Đổi mới hoạt động, cung ứng dịch vụ tại y tế cơ sở**	**Sở y tế**										**1.035**	**-**	**1.035**	**-**		**-**	**-**			
48.3.a	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ mang thai:	Sở y tế										125		125							
48.3.b	Triển khai mô hình chăm sóc dinh dưỡng trong 1.000 ngày đầu đời:	Sở y tế										150		150							
48.3.c	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh trong và sau đẻ tại nhà	Sở y tế										100		100							
48.3.d	Nâng cao năng lực chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em	Sở y tế										100		100							
48.3.đ	Dự phòng, phát hiện sớm, quản lý bệnh không lây nhiễm và rối loạn tâm thần tại y tế cơ sở:	Sở y tế										110		110							
48.3.e	Kiểm tra sức khỏe học sinh; khám sàng lọc, phát hiện, tư vấn điều trị và chuyển tuyến các bệnh, tật học đường:	Sở y tế										150		150							
48.3.g	Tổ chức khám, tư vấn, dự phòng, phát hiện, điều trị, quản lý sức khỏe, chăm sóc dinh dưỡng cho người dân tại cộng đồng; hỗ trợ kinh phí triển khai mô hình tập luyện dưỡng sinh nâng cao sức khỏe tại cộng đồng.	Sở y tế										150		150							
48.3.h	Hỗ trợ phụ cấp, kinh phí hoạt động cho cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn, bản, cô đỡ thôn, bản theo quy định hiện hành và mạng lưới cộng tác viên; tổ chức khám bệnh, chữa bệnh lưu động; truyền thông y tế bằng tiếng dân tộc thiểu số tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	Sở y tế										150		150							
48.4	**Chuyển đổi số trong quản lý, theo dõi và tư vấn sức khỏe toàn diện**	**Sở y tế**										**275**	**-**	**275**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	
48.4.a	Nền tảng Trạm Y tế xã	Sở y tế										150		150							

TT	Nội dung	Đơn vị tổng hợp	Thực hiện năm 2026									Dự kiến nguồn lực giai đoạn 2026-2030									Ghi chú
			Tổng cộng	NS trung ương		NS tỉnh		NS xã		NSNN cấp thực hiện tín dụng chính sách	Vốn huy động hợp pháp khác	Tổng cộng	NS trung ương		NS tỉnh		NS xã		NSNN cấp thực hiện tín dụng chính sách	Vốn huy động hợp pháp khác	
				Vốn Đầu tư công	Kinh phí thường xuyên	Vốn Đầu tư công	Kinh phí thường xuyên	Vốn Đầu tư công	Kinh phí thường xuyên				Vốn Đầu tư công	Kinh phí thường xuyên	Vốn Đầu tư công	Kinh phí thường xuyên	Vốn Đầu tư công	Kinh phí thường xuyên			
48.4.d	Triển khai mô hình bác sĩ gia đình và ứng dụng thiết bị y tế thông minh	Sở y tế										125		125							
49.2	**Phòng, chống chủ động dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm**	**Sở y tế**										**660**	-	**660**	-		-	-	-	-	
49.2.a	Giám sát trọng điểm các bệnh truyền nhiễm:	Sở y tế										75		75							
49.2.b	Triển khai thí điểm tiêm chủng vắc xin phòng bệnh sốt xuất huyết, viêm màng não do não mô cầu, thủy đậu, tay chân miệng tại địa bàn được lựa chọn:	Sở y tế										175		175							
49.2.c	Đánh giá miễn dịch cộng đồng đối với các bệnh ưu tiên có vắc xin phòng gồm sởi, bạch hầu, ho gà để chủ động đề xuất các chiến dịch tiêm chủng	Sở y tế										60		60							
49.2.đ	Phòng, chống HIV/AIDS	Sở y tế										150		150							
49.2.e	Phòng, chống sốt rét	Sở y tế										125		125							
49.2.g	Phòng, chống lao	Sở y tế										75		75							
49.3	**Phòng, chống bệnh không lây nhiễm; bệnh tật phổ biến lứa tuổi học đường và bảo đảm dinh dưỡng hợp lý**	**Sở y tế**										**180**	-	**180**	-		-	-	-	-	
49.3.a	Phòng, chống bệnh không lây nhiễm và rối loạn tâm thần:	Sở y tế										80		80							
49.3.b	Phòng, chống bệnh tật phổ biến lứa tuổi học đường (thừa cân béo phì, tật khúc xạ, cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng và rối loạn sức khỏe tâm thần):	Sở y tế										100		100							
50.1	**Khuyến khích các cặp vợ chồng, cá nhân sinh con**	**Sở y tế**										**175**	-	**175**	-		-	-	-	-	
50.1.a	Khuyến khích nam, nữ kết hôn trước 30 tuổi	Sở y tế										75		75							
50.1.c	Khuyến khích sinh đủ hai con tại các tỉnh, thành phố có mức sinh thấp hơn mức sinh bình quân của cả nước:	Sở y tế										100		100							
50.2	**Thu hẹp khoảng cách mất cân bằng giới tính khi sinh**	**Sở y tế**										**150**	-	**150**	-		-	-	-	-	
50.2.a	Ngăn chặn cung cấp các dịch vụ liên quan đến mất cân bằng giới tính khi sinh	Sở y tế										150		150							
50.3	**Nâng cao chất lượng dân số góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**	**Sở y tế**										**150**	-	**150**	-		-	-	-	-	
50.3.a	Phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán, điều trị bệnh tật trước sinh và sơ sinh tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: mua sắm bổ sung thiết bị y tế phục vụ sàng lọc trước sinh và sơ sinh cho bệnh viện đa khoa tỉnh hoặc bệnh viện chuyên khoa sản, nhi.	Sở y tế										150		150							
50.4	**Thích ứng với già hóa dân số, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi**	**Sở y tế**										**75**	-	**75**	-						
50.4.d	Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng	Sở y tế										75		75							

TT	Nội dung	Đơn vị tổng hợp	Thực hiện năm 2026									Dự kiến nguồn lực giai đoạn 2026-2030									Ghi chú
			Tổng cộng	NS trung ương		NS tỉnh		NS xã		NSNN cấp thực hiện tín dụng chính sách	Vốn huy động hợp pháp khác	Tổng cộng	NS trung ương		NS tỉnh		NS xã		NSNN cấp thực hiện tín dụng chính sách	Vốn huy động hợp pháp khác	
				Vốn Đầu tư công	Kinh phí thường xuyên	Vốn Đầu tư công	Kinh phí thường xuyên	Vốn Đầu tư công	Kinh phí thường xuyên				Vốn Đầu tư công	Kinh phí thường xuyên	Vốn Đầu tư công	Kinh phí thường xuyên	Vốn Đầu tư công	Kinh phí thường xuyên			
50.5	**Phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng**	**Sở y tế**										**150**	**-**	**150**	**-**						
50.5.a	Cung cấp dịch vụ phục hồi chức năng toàn diện cho người khuyết tật tại cộng đồng:	Sở y tế										150		150							
52.2	**Truyền thông dân số**	**Sở y tế**										**150**	**-**	**150**	**-**		**-**	**-**	**-**	**-**	
52.2.a	Xây dựng thông điệp và sản xuất sản phẩm truyền thông	Sở y tế										150		150							